

Bản án số: 208/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin,

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trịnh Thị H, sinh năm 1982. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Nguyễn Quang H, sinh năm 1975. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trịnh Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang H cưới nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 03/4/2002. Đến năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh H sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, tình nghĩa vợ chồng không thể hàn gắn nên Chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, Chị và anh H có hai con chung tên Nguyễn Lam Ph, sinh ngày 15/5/2004, con hiện đang sinh sống với Chị. Khi ly

hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai anh H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lam Phương, sinh ngày 15/5/2004, con hiện đang sinh sống với chị Th, Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H nêu không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Quang H, anh H có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Thị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quang H; anh H hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An (Công an xã xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Th, bị đơn anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 03/4/2002 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình chung sống, chị Th cho rằng năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh H sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, tình nghĩa vợ chồng không thể hàn gắn nên Chị xin ly hôn với anh H.

Đối với anh H, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh H không tham dự phiên tòa. Anh H có đơn xin vắng mặt. Anh H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên Anh đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H, chị Th.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th và anh H có con chung tên Nguyễn Lam Ph, sinh ngày 15/5/2004, con hiện đang sinh sống với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị Th và anh H là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th, anh H nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Th đối với anh Nguyễn Quang H về việc “Ly hôn”.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Th và anh Nguyễn Quang H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lam Ph, sinh ngày 15/5/2004, con hiện đang sinh sống với chị Th. Anh H không cấp dưỡng nuôi con vì chị Th không yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004489 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, chị Th đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hoà;*
- *UBND xã L;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hoà;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn